

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 111/2025/DS-ST

Ngày: 28/7/2025

V/v tranh chấp hợp đồng
thẻ tín dụng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Nam Hải,

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Thúc,

Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh.

- Thư ký viên Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Tường Vi, Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 9 Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Lan, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 Thành phố Hồ Chí Minh, số B N, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 731/2024/DSST ngày 10 tháng 10 năm 2024, về “Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 989/2025/QĐST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 1076/2025/QĐST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S (S1); địa chỉ: B - B N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường X, Thành phố Hồ Chí Minh). Địa chỉ liên lạc: B N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường X, Thành phố Hồ Chí Minh). Người đại diện theo uỷ quyền: anh Nguyễn Đình L, có đơn yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: bà Nguyễn Thùy T, địa chỉ: 2 N, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh). Nơi cư trú: B N, Khu phố B, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh), vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn cùng các tài liệu, chứng cứ Tòa án đã thu thập, thể hiện nội dung vụ án như sau:

Bà Nguyễn Thùy T ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 22/10/2019 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng) với Ngân hàng thương mại cổ phần S (sau đây gọi tắt là: S1); hạn mức tín dụng: 15.000.000 đồng; mục đích: tiêu dùng cá nhân; số thẻ: 472074-0964; lãi suất: 2,77%/tháng.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà Nguyễn Thùy T đã thực hiện giao dịch với số tiền 37.500.000 đồng.

Bà Nguyễn Thùy T đã thanh toán cho S1 tổng cộng là: 38.881.704 đồng, rồi không tiếp tục thanh toán theo thỏa thuận của hợp đồng.

Ngày 30/6/2023, S1 đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng của bà Nguyễn Thùy T và chuyển toàn bộ số nợ sang nợ quá hạn tổng cộng là 16.843.554 đồng. Tính đến ngày 28/11/2024, bà Nguyễn Thùy T còn nợ thẻ tín dụng S1 tổng cộng là 29.073.429 đồng, trong đó: nợ gốc: 16.843.554 đồng, nợ lãi: 12.229.875 đồng.

S1 yêu cầu bà Nguyễn Thùy T thanh toán số nợ tính đến ngày 28/11/2024, nêu trên, tổng cộng là 29.073.429 đồng làm một lần, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật; đồng thời bà Nguyễn Thùy T phải thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 29/11/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ với S1.

** Đối với bị đơn bà Nguyễn Thùy T:*

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án dân sự số 731/2024/TB-TLVA ngày 10 tháng 10 năm 2024; giấy triệu tập tự khai; hai Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng bà Nguyễn Thùy T đều vắng mặt không lý do, nên Tòa án quyết định xét xử vụ án theo trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn vắng mặt, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn không có yêu cầu phản tố, vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 Thành phố Hồ Chí Minh, tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- + Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: việc xác minh, thu thập chứng cứ, thực hiện thủ tục tổng đạt các loại văn bản tố tụng và xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát là đúng quy định.

- + Về nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S (S1) nộp, thể hiện tính đến ngày 28/11/2024, bà Nguyễn Thùy T còn nợ thẻ tín dụng S1 tổng cộng là 29.073.429 đồng, trong đó: nợ gốc: 16.843.554 đồng, nợ lãi: 12.229.875 đồng.

Bị đơn vắng mặt trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, nên không ghi nhận được ý kiến. Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt cho bị đơn các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng, nhưng bị đơn không thực hiện; thể hiện bị đơn không có yêu cầu phản tố hay yêu cầu khác đối với nguyên đơn.

Kết quả phần thủ tục hỏi, phần tranh luận tại phiên tòa, nhận thấy việc thẩm tra, xem xét chứng cứ của Hội đồng xét xử là đầy đủ, rõ ràng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: buộc bị đơn bà Nguyễn Thùy T thanh toán nợ cho S1 tính đến ngày 28/11/2024 tổng cộng là 29.073.429

đồng, trong đó: nợ gốc: 16.843.554 đồng, nợ lãi: 12.229.875 đồng. Thanh toán làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật; đồng thời bà Nguyễn Thùy T phải thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 29/11/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ với S1.

PHẦN NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

** Về tố tụng:*

[1] Về đơn khởi kiện:

Hình thức, nội dung Đơn khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S (sau đây gọi tắt là: S1) thực hiện đúng quy định tại Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về tư cách pháp nhân:

S1 có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 0301103908, đăng ký lần đầu ngày 13/01/1992, đăng ký thay đổi lần thứ 41 ngày 26/12/2022, được cấp bởi Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố H. Như vậy, về tư cách pháp nhân của Ngân hàng, phù hợp quy định của Luật doanh nghiệp.

[3] Về việc ủy quyền tham gia tố tụng:

Tổng giám đốc S1 có văn bản ủy quyền thường xuyên cho Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Q và khai thác tài sản Ngân hàng S ký Đơn khởi kiện; sau đó Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Q và khai thác tài sản Ngân hàng S đã có văn bản ủy quyền lại cho anh Nguyễn Đình L tham gia tố tụng trong vụ án dân sự tranh chấp hợp đồng tín dụng vay tài sản đối với bà Nguyễn Thùy T, việc ủy quyền và nhận ủy quyền là phù hợp quy định của Bản điều lệ S1, pháp luật về dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Trong vụ án này, căn cứ bản sao Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng; Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng; bản phô tô giấy CCCD của bà Nguyễn Thùy T; hai bên đương sự thống nhất chọn nơi bà T cư trú là phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) là địa chỉ liên lạc và gửi các văn bản giao dịch, nên việc “tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng” là loại tranh chấp về hợp đồng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về tính tự nguyện giao kết giữa các chủ thể khi giao kết hợp đồng:

Hai bên đương sự có xác lập Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng; Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng theo mẫu chung do Ngân hàng dự thảo, theo quy định tại Điều 405 Bộ luật dân sự 2015, việc hai bên ký kết hợp đồng theo đúng trình tự, thủ tục quy định, đồng thời bị đơn đã thanh toán một số kỳ của hợp đồng, nên Hội đồng xét xử xét, hình thức và nội dung Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng; Bản điều khoản và điều kiện sử

dụng thẻ tín dụng được giao kết và thực hiện là hoàn toàn tự nguyện, không bị đe dọa, ép buộc khi giao kết hợp đồng.

[6] Về yêu cầu phản tố của bị đơn:

Trong vụ án này, Tòa án đã thực hiện tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng về dân sự cho bị đơn bà Nguyễn Thùy T. Hết thời hạn quy định của các văn bản tố tụng về dân sự, bị đơn không có Đơn phản tố hoặc ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; do vậy, Hội đồng xét xử đủ căn cứ kết luận bị đơn không có yêu cầu phản tố.

** Về nội dung vụ án:*

[7] Việc bổ sung tài liệu, chứng cứ:

Tại phiên tòa, các đương sự không bổ sung tài liệu, chứng cứ gì khác ngoài các tài liệu, chứng cứ đã giao nộp cho Tòa án.

[8] Hội đồng xét xử xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[8.1] Về số nợ vốn:

Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng; Thông báo về việc quá hạn thanh toán dư nợ vay và dư nợ thẻ tín dụng tại S1; Thông báo nhắc nợ; Bản tự khai của người đại diện theo ủy quyền S1; bảng tính gốc, lãi khách hàng,... do S1 lập, cùng các tài liệu chứng cứ khác, Hội đồng xét xử xét, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập, thể hiện bà Nguyễn Thùy T là người xác lập giao dịch dân sự với S1: mở thẻ tín dụng số 472074-0964; lãi suất: 2,77%/tháng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà Nguyễn Thùy T đã thực hiện giao dịch với số tiền 37.500.000 đồng. Bà Nguyễn Thùy T đã thanh toán cho S1 tổng cộng là: 38.881.704 đồng, rồi không tiếp tục theo thỏa thuận của hợp đồng. Ngày 30/6/2023, S1 đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng của bà Nguyễn Thùy T và chuyển toàn bộ số nợ sang nợ quá hạn tổng cộng là 16.843.554 đồng.

Tính đến ngày 28/11/2024 bà T nợ gốc tổng cộng là 16.843.554 đồng.

[8.2] Về nợ lãi suất:

S1 và bà Nguyễn Thùy T thỏa thuận tại Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ của S1, thể hiện lãi suất (trong hạn, quá hạn) là căn cứ theo Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Biểu phí thẻ tín dụng quốc tế, được ban hành theo nội dung Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng N, quy định về hoạt động thẻ ngân hàng; Thông tư số 17/2021/TT-NHNN ngày 16/11/2021 của Ngân hàng N, sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-NHNN 30 tháng 6 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng N quy định về hoạt động thẻ ngân hàng.

Hội đồng xét xử xét, lãi suất thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng là lãi trong hạn 2,77%/tháng, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn, mục đích sử dụng: tiêu dùng cá nhân, tính đến ngày 28/11/2024 bà Nguyễn Thùy T nợ lãi quá hạn là: 12.229.875 đồng, đây là lãi suất thỏa thuận giữa S1 và bà Nguyễn Thùy T, phù hợp quy định của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N, quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng; Thông tư số 06/2023/TT-NHNN ngày 28/6/2023 của Ngân hàng N, sửa đổi, bổ sung quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng một

số điều của Thông tư số [39/2016/TT-NHNN](#) ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng N quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng; Thông tư số [12/2024/TT-NHNN](#) ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Ngân hàng N sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số [39/2016/TT-NHNN](#) 30 tháng 12 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng N quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng, nên chấp nhận.

[9] Căn cứ vào kết quả thẩm tra công khai các chứng cứ, phân tích đánh giá toàn bộ nội dung vụ án tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định bà Nguyễn Thùy T là người yêu cầu S1 mở thẻ tín dụng hạn mức 15.000.000 đồng, hiện dư nợ của bà T tính đến ngày 28/11/2024 tổng cộng là 29.073.429 đồng, trong đó: nợ gốc: 16.843.554 đồng, nợ lãi: 12.229.875 đồng.

Việc bà Nguyễn Thùy T là người vi phạm thỏa thuận hợp đồng, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của S1, do vậy S1 yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thùy T thanh toán khoản nợ tổng cộng là 29.073.429 đồng, nêu trên, làm một lần, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận; đồng thời, bà T còn phải tiếp tục thanh toán số tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn, do các bên thỏa thuận tại Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ của S1, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, kể từ ngày 29/11/2024, cho đến khi bà T thanh toán xong toàn bộ khoản nợ đối với S1.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: b Nguyễn Thùy T phải chịu án phí dân sự là 1.453.672 đồng (làm tròn số).

S1 không phải chịu án phí dân sự, S1 được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp 1 616.184 đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 93, 94, 96, 97, 101, 106, 109, 189, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 233, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Luật doanh nghiệp;

Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

Điều 405 Bộ luật dân sự năm 2015;

Luật thi hành án dân sự;

Thông tư số [19/2016/TT-NHNN](#) ngày 30/6/2016 của Ngân hàng N, quy định về hoạt động thẻ ngân hàng;

Thông tư số [1/2021/TT-NHNN](#) ngày 16/11/2021 của Ngân hàng N, sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số [19/2016/TT-NHNN](#) 30 tháng 6 năm 2016 của thống đốc ngân hàng N quy định về hoạt động thẻ ngân hàng;

Thông tư số [39/2016/TT-NHNN](#) ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N, quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

Thông tư số [06/2023/TT-NHNN](#) ngày 28/6/2023 của Ngân hàng N, sửa đổi, bổ sung quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh

ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng một số điều của thông tư số 39/2016/TT-NHNN30 tháng 12 năm 2016 của thống đốc ngân hàng N quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

Thông tư số 12/2024/TT-NHNN ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Ngân hàng N sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 39/2016/TT-NHNN30 tháng 12 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng N quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

Thông tư số 18/2024/TT-NHNN ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Ngân hàng N quy định về hoạt động thẻ ngân hàng;

Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về lệ phí, án phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S (S1).

Buộc bà Nguyễn Thùy T có nghĩa vụ dân sự thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S, tổng cộng số tiền tính đến ngày 28 tháng 11 năm 2024 là 29.073.429 đồng (Hai mươi chín triệu không trăm bảy mươi ba ngàn bốn trăm hai mươi chín đồng), trong đó: nợ gốc: 16.843.554 đồng (Mười sáu triệu tám trăm bốn mươi ba ngàn năm trăm năm mươi bốn đồng), nợ lãi: 12.229.875 đồng (Mười hai triệu hai trăm hai mươi chín ngàn tám trăm bảy mươi lăm đồng).

Đồng thời, bà Nguyễn Thùy T còn phải chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn, tính từ ngày 29 tháng 11 năm 2024 cho đến khi bà Nguyễn Thùy T thanh toán xong toàn bộ khoản nợ đối với Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Cách thức thanh toán: bà Nguyễn Thùy T có nghĩa vụ dân sự thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S, tổng cộng số tiền là 29.073.429 đồng (Hai mươi chín triệu không trăm bảy mươi ba ngàn bốn trăm hai mươi chín đồng), nêu trên, làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà Nguyễn Thùy T phải chịu án phí dân sự là 1.453.672 đồng (Một triệu bốn trăm năm mươi ba ngàn sáu trăm bảy mươi hai đồng).

Bà Nguyễn Thùy T nộp số tiền án phí dân sự 1.453.672 đồng (Một triệu bốn trăm năm mươi ba ngàn sáu trăm bảy mươi hai đồng), nêu trên, tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2.2. Ngân hàng thương mại cổ phần S không phải chịu án phí dân sự, Ngân hàng thương mại cổ phần S được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp là 616.184 đồng (Sáu trăm mười sáu ngàn một trăm tám mươi bốn đồng), theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án Ký hiệu: BLTU/23P số 0040337, ngày 02 tháng 10 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 9 Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Các bên đương sự thi hành bản án tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Quyền kháng cáo

Ngân hàng thương mại cổ phần S và bà Nguyễn Thùy T, vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 và 26 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN
TÒA**

Lê Nam Hải

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN
CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đình Thức Nguyễn Thị Mỹ Linh

Lê Nam Hải

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào lúc 09 giờ 30 phút ngày 28 tháng 7 năm 2025, tại Phòng nghị án trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 Thành phố Hồ Chí Minh.

Hội đồng xét xử sơ thẩm với thành phần gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Nam H,

- *Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Đình T1,

Bà Nguyễn Thị Mỹ L1.

Đã tiến hành nghị án hồ sơ thụ lý số 731/2024/DSST ngày 10 tháng 10 năm 2024, về “Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 989/2025/QĐST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 1076/2025/QĐST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP S**; địa chỉ: B N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo uỷ quyền: anh Nguyễn Đình L, có đơn yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: bà **Nguyễn Thùy T**, địa chỉ: 2 N, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh). Nơi cư trú: B N, Khu phố B, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh), vắng mặt tại phiên tòa.

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án và sự trình bày, tranh luận và xác nhận của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thảo luận và biểu quyết những vấn đề sau:

1. Về điều luật áp dụng:

Căn cứ:

Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 93, 94, 96, 97, 101, 106, 109, 189, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 233, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Luật doanh nghiệp;

Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

Điều 405 Bộ luật dân sự năm 2015;

Luật thi hành án dân sự;

Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng N, quy định về hoạt động thẻ ngân hàng;

Thông tư số 1/2021/TT-NHNN ngày 16/11/2021 của Ngân hàng N, sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 19/2016/TT-NHNN 30 tháng 6 năm 2016 của thống đốc ngân hàng N quy định về hoạt động thẻ ngân hàng;

Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N, quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

Thông tư số 06/2023/TT-NHNN ngày 28/6/2023 của Ngân hàng N, sửa đổi, bổ sung quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng một số điều của thông tư số 39/2016/TT-NHNN 30 tháng 12 năm 2016 của thống đốc ngân hàng N quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

Thông tư số 12/2024/TT-NHNN ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Ngân hàng N sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 39/2016/TT-NHNN 30 tháng 12 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng N quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

Thông tư số 18/2024/TT-NHNN ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Ngân hàng N quy định về hoạt động thẻ ngân hàng;

Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về lệ phí, án phí Tòa án

Biểu quyết:

.....

2. Về nội dung:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S (S1).

Buộc bà Nguyễn Thùy T có nghĩa vụ dân sự thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S, tổng cộng số tiền tính đến ngày 28 tháng 11 năm 2024 là 29.073.429 đồng (Hai mươi chín triệu không trăm bảy mươi ba ngàn bốn trăm hai mươi chín đồng), trong đó: nợ gốc: 16.843.554 đồng (Mười sáu triệu tám trăm bốn mươi ba ngàn năm trăm năm mươi bốn đồng), nợ lãi: 12.229.875 đồng (Mười hai triệu hai trăm hai mươi chín ngàn tám trăm bảy mươi lăm đồng).

Đồng thời, bà Nguyễn Thùy T còn phải chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn, tính từ ngày 29 tháng 11 năm 2024 cho đến khi bà Nguyễn Thùy T thanh toán xong toàn bộ khoản nợ đối với Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Cách thức thanh toán: bà Nguyễn Thùy T có nghĩa vụ dân sự thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S, tổng cộng số tiền là 29.073.429 đồng (Hai mươi chín triệu không trăm bảy mươi ba ngàn bốn trăm hai mươi chín đồng), nêu trên, làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Biểu quyết:
.....

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Bà Nguyễn Thùy T phải chịu án phí dân sự là 1.453.672 đồng (Một triệu bốn trăm năm mươi ba ngàn sáu trăm bảy mươi hai đồng).

Bà Nguyễn Thùy T nộp số tiền án phí dân sự 1.453.672 đồng (Một triệu bốn trăm năm mươi ba ngàn sáu trăm bảy mươi hai đồng), nêu trên, tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3.2. Ngân hàng thương mại cổ phần S không phải chịu án phí dân sự, Ngân hàng thương mại cổ phần S được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp là 616.184 đồng (Sáu trăm mười sáu ngàn một trăm tám mươi bốn đồng), theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án Ký hiệu: BLTU/23P số 0040337, ngày 02 tháng 10 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 9 Thành phố Hồ Chí Minh).

Biểu quyết:
.....

4. Về thi hành án:

Các bên đương sự thi hành bản án tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 và 26 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Biểu quyết:
.....

5. Về quyền kháng cáo:

Ngân hàng thương mại cổ phần S và bà Nguyễn Thùy T, vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Buổi nghị án kết thúc lúc 10 giờ 05 phút cùng ngày, các thành viên Hội đồng xét xử đã đọc lại biên bản và ghi nhận đúng nội dung đã quyết định.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHASN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA